

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2021/HNGĐ – ST**

Ngày: 29/10/2021

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Đô;

2/ Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 540/2021/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Anh Vương Phú Th, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vương Phú Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 40, ký ngày 18/4/2007. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh Vương Phú Th thường xuyên đánh đập và phá đồ đạc trong nhà. Mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra vào tháng 10 năm 2020 anh Vương Phú Th ngoại tình và đã đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay chị và anh Vương Phú Th sống ly thân. Trong thời gian ly thân này anh Vương Phú Th không thay đổi và còn nhiều lần tìm chị mắng chửi, quấy nhiễu cuộc sống của chị. Chị mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân như trên. Nay vợ chồng không có tình cảm, không thể hòa giải đoàn tụ, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vương Phú Th.

Về con chung: Chị và anh Vương Phú Th có 02 con chung tên là Vương Thị Như Q, sinh ngày 02/10/2006 và Vương Phú Q, sinh ngày 30/8/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Chị và anh Vương Phú Th tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Vương Phú Th không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vương Phú Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Vương Phú Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của chị Lê Thị B. Anh xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gia đình do đôi bên sống không hợp nhau có nhiều bất đồng trong suy nghĩ, cách sống nên thường xảy ra việc cãi vã. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân. Hiện nay mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị B.

Về con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Lê Thị B về con chung. Chị Lê Thị B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh đồng ý với nguyện vọng của chị Lê Thị B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản này.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị B

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Vương Thị Như Q, sinh ngày 02/10/2006 và Vương Lê Phú Q, sinh ngày 30/8/2017 cho chị Lê Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vương Phú Th (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Vương Phú Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Vương Phú Th đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An cấp giấy đăng ký kết hôn số 40, ký ngày 18/4/2007. Lời khai của chị Lê Thị B và anh Vương Phú Th phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan*

nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị B và anh Vương Phú Th là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị B: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị B và anh Vương Phú Th đều khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn các bên khai nhận không thống nhất. Tuy nhiên, chị Lê Thị B và anh Vương Phú Th đều thừa nhận từ năm 2020 cho đến nay các bên sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không có quan tâm chăm sóc nhau và không thể hiện mong muốn đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, đôi bên đều khai nhận các bên nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục và có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc hòa giải đoàn tụ không còn ý nghĩa. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị B.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị B và anh Vương Phú Th khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Vương Thị Như Q sinh ngày 02/10/2006 và Vương Lê Phú Q sinh ngày 30/8/2017. Lời khai của chị Lê Thị B và anh Vương Phú Th phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Lê Thị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét, cháu Vương Lê Phú Q mới 4 tuổi cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Cháu Vương Thị Như Q hiện nay 15 tuổi đang ở lứa tuổi dậy thì cần sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên của cha hoặc mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận trong thời gian ly thân chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu phát triển đầy đủ. Anh Vương Phú Th thường xuyên vắng nhà không thể chăm sóc hai cháu. Đồng thời, anh Vương Phú Th cũng đồng ý yêu cầu của chị Lê Thị B. Như vậy, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Vương Thị Như Q và cháu Vương Lê Phú Q. Theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu Vương Thị Như Q và cháu Vương Lê Phú Q cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Vương Phú Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vương Phú Th, chị Lê Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Vương Phú Th, chị Lê Thị B đều khai nhận anh chị tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Vương Phú Th, chị Lê Thị B đều khai nhận anh chị không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Lê Thị B phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B. Chị Lê Thị B được ly hôn với anh Vương Phú Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vương Thị Như Q sinh ngày 02/10/2006 và Vương Lê Phú Q sinh ngày 30/8/2017 cho chị Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Vương Phú Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vương Phú Th, chị Lê Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Vương Phú Th, chị Lê Thị B tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Vương Phú Th, chị Lê Thị B không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 015894 ký ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/10/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh